Người ký: Sở Lao động Thương binh và Xã hội
Email: sldtbxh@daknong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đắk Nông
Thời gian ký: 16.07.2020 14:00:00 +07:00

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số 1512/SLĐTBXH-KHTC ngày 16 tháng 7 năm 2020)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao trong năm (bao gồm điều chỉnh, bổ sung)	Dự toán được phép sử dụng sử dụng	Dự toán đã sử dụng	Dự toán còn lại cuối năm chưa sử dụng bị hủy hoặc chuyển sang đơn vị khác	Dự toán được chuyển sang năm sau	Ghi chú
A	B	1	2	3=1+2	4	5	6	
1	**Nguồn 12**	**264.545.000**	**23.472.520.112**	**23.737.065.112**	**20.331.810.957**	**2.466.653.655**	**938.600.500**	
1.1	**Ngân sách tỉnh**	**264.545.000**	**13.184.020.112**	**13.448.565.112**	**12.532.448.167**	**916.116.945**	**0**	
1.1.1	Văn phòng Sở	264.545.000	6.095.500.000	6.360.045.000	5.682.599.345	677.445.655		
1.1.2	Trung tâm Dịch vụ việc làm		443.779.475	443.779.475	428.463.205	15.316.270		
1.1.3	Trường Trung cấp nghề Đắk Nông		3.103.000.000	3.103.000.000	3.094.029.081	8.970.919		
1.1.4	Trung tâm Bảo trợ xã hội		3.165.240.637	3.165.240.637	3.042.788.256	122.452.381		
1.1.5	Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Đắk Nông		376.500.000	376.500.000	284.568.280	91.931.720		
1.2	**Kp chương trình mục tiêu quốc gia**	**0**	**3.069.500.000**	**3.069.500.000**	**1.560.938.640**	**569.960.860**	**938.600.500**	
	Văn phòng Sở		3.069.500.000	3.069.500.000	1.560.938.640	569.960.860	938.600.500	Số dư dự toán chuyển sang: 938.600.500 đ; số dư tạm ứng chuyển sang: 938.600.500 đ
1.3	**Kp Trung ương hỗ trợ có mục tiêu**	**0**	**7.219.000.000**	**7.219.000.000**	**6.238.424.150**	**980.575.850**	**0**	
1.3.1	Văn phòng Sở		6.869.000.000	6.869.000.000	5.893.510.110	975.489.890		
1.3.2	Trung tâm Dịch vụ việc làm		350.000.000	350.000.000	344.914.040	5.085.960		
2	**Nguồn 13**	**265.392.366**	**12.064.000.000**	**12.329.392.366**	**12.329.392.366**	**0**	**0**	
2.1	Văn phòng Sở	47.313.729	6.385.000.000	6.432.313.729	6.432.313.729	0		
2.2	Trung tâm Dịch vụ việc làm		1.152.000.000	1.152.000.000	1.152.000.000	0		
2.3	Trường Trung cấp nghề Đắk Nông	218.078.637	3.303.000.000	3.521.078.637	3.521.078.637	0		
2.4	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Nông		1.224.000.000	1.224.000.000	1.224.000.000	0		
3	**Nguồn 14**	**2.134.290**	**259.468.450**	**261.602.740**	**224.400.247**	**2.740**	**37.199.753**	
3.1	Văn phòng Sở	602.678	175.897.322	176.500.000	170.497.062		6.002.938	
3.2	Trung tâm Dịch vụ việc làm		41.500.000	41.500.000	15.500.000		26.000.000	
3.3	Trung tâm Bảo trợ xã hội	1.528.872	42.071.128	43.600.000	38.403.185		5.196.815	
3.4	Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Đắk Nông	2.740	0	2.740	0	2.740		Chuyển về Trung tâm BTXH
4	**Nguồn 15**	**0**	**161.021.000**	**161.021.000**	**161.021.000**	**0**	**0**	

STT	Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao trong năm (bao gồm điều chỉnh, bổ sung)	Dự toán được phép sử dụng sử dụng	Dự toán đã sử dụng	Dự toán còn lại cuối năm chưa sử dụng bị hủy hoặc chuyển sang đơn vị khác	Dự toán được chuyển sang năm sau	Ghi chú
4.1	Văn phòng Sở		161.021.000	161.021.000	161.021.000			
5	**Vốn đầu tư**	**1.000.000.000**	**0**	**1.000.000.000**	**1.000.000.000**	**0**		
5.1	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Nô	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000			
Tổng cộng		**1.532.071.656**	**35.957.009.562**	**37.489.081.218**	**34.046.624.570**	**2.466.656.395**	**975.800.253**	